

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/DS-ST

Ngày: 07-5-2025

V/v “*Tranh chấp Phường, họ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Lê Văn Đô

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Nguyễn Thị T- Kiểm sát viên

Ngày 07/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Phường, họ*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-DS ngày 14/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-DS ngày 11/4/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970 (vợ ông L) (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Bà Ngô Thị K, sinh năm 1976 (vợ ông Đ) (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2024, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông có chơi 1 dây phường 41 suất, mỗi xuất đóng 3.000.000 đồng/ tháng, thì ông chơi 2 suất (mỗi tháng đóng 6.000.000 đồng/tháng) do ông Trần Văn L làm chủ phường. Phường bắt đầu chơi từ ngày 04/02/2021 âm lịch đến 29/10/2024 âm lịch là kết thúc, thì ông lấy thứ 32 và 33, thì đến lượt ông lấy thì ông L chưa thanh toán cho ông 2 xuất trên, tổng số tiền ông được lấy là 198.000.000 đồng, ông L đã trả được 50.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 148.000.000 đồng. Hàng tháng đóng phường thì ông L và bà D đều ký xác nhận tiền và đến ngày 04/11/2024 âm lịch thì ông L có viết giấy xác nhận còn nợ của ông số tiền 148.000.000 đồng. Ông xác nhận chữ viết nhận nợ đề ngày 04/11/2024 và chữ ký “*Lượng, Trần Văn L*” do ông L viết và ký. Ông xác định đây là tài sản chung của vợ

chồng ông và là nợ chung của vợ chồng ông L vì khi ông đóng phường thì do vợ chồng ông L đều đứng ra thu và bà D có được biết. Tại đơn khởi kiện, ông khởi kiện buộc vợ chồng ông Trần Văn L phải trả cho vợ chồng ông số tiền phường 148.000.000 đồng gốc, không yêu cầu trả lãi, nhưng do có sự nhầm lẫn sau khi hai bên thỏa thuận lại thì ông xác định ông L còn nợ của vợ chồng ông số tiền còn lại là 120.000.000 đồng và ông yêu cầu vợ chồng ông L phải trả cho vợ chồng ông số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa ông Đ vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

*Bị đơn ông L trình bày: Ông làm cái phường gồm 41 suất, mỗi suất đồng 3.000.000 đồng/tháng, thì ông Đ có chơi 2 suất (mỗi tháng đóng 6.000.000 đồng/tháng). Phường bắt đầu chơi từ ngày 04/02/2021 âm lịch đến 29/10/2024 âm lịch là kết thúc, thì ông Đ lấy thứ 32 và 33, thì đến lượt ông Đ lấy thì ông Đ lấy 2 suất trên, tổng số tiền ông Đ được lấy là 198.000.000 đồng, ông đã trả được 50.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 148.000.000 đồng. Hàng tháng ông Đ đóng phường thì ông nhận tiền phường và đều ký xác nhận tiền và đến ngày 04/11/2024 âm lịch thì ông có viết giấy xác nhận còn nợ của ông Đ số tiền 148.000.000 đồng. Ông xác nhận chữ viết nhận nợ đề ngày 04/11/2024 và chữ ký “*Lượng, Trần Văn L*” do ông viết và ký. Ông đứng ra làm cái phường thì vợ ông không biết, những lúc ông không có nhà thì ông Đ đóng phường có nhờ vợ ông là bà D cầm hộ. Ông xác định đây là nợ riêng của cá nhân ông, không liên quan đến nợ chung của vợ chồng ông. Việc cái phường thì không được hưởng hoa hồng gì, và ông cũng tham gia chơi phường. Sau khi hai bên thỏa thuận lại thì ông xác định còn nợ của ông Đ số tiền còn lại là 120.000.000 đồng. Nay ông Đ yêu cầu vợ chồng ông phải trả cho vợ chồng ông Đ số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi thì ông đồng ý trả số tiền 120.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị K (vợ ông Đ) trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của ông Đ, không bổ sung gì. Bà ủy quyền cho chồng bà là ông Đ tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án. Mọi quyết định của ông Đ là quyết định của bà và bà xin được vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa bà K vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D (vợ ông L) đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 468; Điều 27; Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

1. Buộc vợ chồng ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị Kim S tiền gốc là 120.000.000 đồng.

3. Về án phí: Vợ chồng ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị D trả số tiền nợ phường xác định là quan hệ tranh chấp “*Phường, họ*” theo Điều 471 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị D còn nợ số tiền phường của vợ chồng ông là 120.000.000 đồng thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đều xác định ông Đ có chơi phường từ ngày 04/02/2021 âm lịch đến 29/10/2024 âm lịch là kết thúc, thì ông lấy thứ 32 và 33, thì đến lượt ông lấy thì ông L chưa thanh toán cho ông 2 xuất trên, tổng số tiền ông được lấy là 198.000.000 đồng, ông L đã trả được 50.000.000 đồng. Ngày 04/11/2024 âm lịch hai bên viết giấy ông L còn nợ ông Đ số tiền 148.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, thì giữa hai bên đã thỏa thuận lại do có sự nhầm lẫn và thống nhất ông L còn nợ ông Đ số tiền là 120.000.000 đồng và ông L đồng ý trả số tiền trên. Ông Đ xác định là nợ chung của vợ chồng ông L, còn ông L xác định là nợ riêng của ông. Do vậy, ông Đ có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L và Bà D trả số tiền còn nợ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông Đ xác định là nợ chung của vợ chồng ông L, nhưng ông L xác định nợ riêng, nhưng hai bên đều xác định việc bà D có cầm tiền phường của ông Đ đóng và có biết việc ông L là cái phường. Do vậy, buộc vợ chồng ông L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Đ là có căn cứ.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ được chấp nhận nên vợ chồng ông L phải có nghĩa vụ liên đới chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Ông Nguyễn Văn Đ được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 468; Điều 27; Điều 37 – Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 -Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị Kim S tiền gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.700.000 đồng theo biên lai số 0004431 ngày 12/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị SỰ

